Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2917.32.00

Mã HS	2917.32.00
Mô tả hàng hóa	Axit carboxylic đa chức, các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit carboxylic thơm đa chức, các anhydrit, halogenua, peroxit, peroxyaxit của chúng và các dẫn xuất của các chất trên: / - - Dioctyl orthophthalates
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	07/11/2026 02:24:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29173200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4108
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4108
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4108
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4054
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4015
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4015
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4015
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4015
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4015
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4015
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4053
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4053
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4053
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4053

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4053
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4053
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4057
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4057
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4057
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4057
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4057
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4057
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F4057
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4021
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F4017
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G4017
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H4017
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I4017
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J4017
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K4017
VKFTA	2022	2022	2	VK!E4017
VKFTA	2023	2023	1	VK!F4017
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4017
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4017
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4017
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4017
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4064
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4064
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4064
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4064
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4064
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4061
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4061
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4061
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4061
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4061
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4061
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D4069
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E4069
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F4069
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G4069
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H4069
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I4069
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4040
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E4040
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F4040
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4040
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4040
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4040
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4042
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E4042
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F4042
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4042
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4042
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4042

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4040
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4040
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4040
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4040
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4040
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4040
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4040
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D4061
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E4061
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F4061
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G4061
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H4061
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I4061
RCEP B	2022	2022	9	B!D4061
RCEP B	2023	2023	8	B!E4061
RCEP B	2024	2024	7	B!F4061
RCEP B	2025	2025	6	B!G4061
RCEP B	2026	2026	5	B!H4061
RCEP B	2027	2027	4	B!I4061
RCEP C	2022	2022	9	C!D4061
RCEP C	2023	2023	8	C!E4061
RCEP C	2024	2024	7	C!F4061
RCEP C	2025	2025	6	C!G4061
RCEP C	2026	2026	5	C!H4061
RCEP C	2027	2027	4	C!I4061
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D4061

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E4061
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F4061
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G4061
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H4061
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I4061
RCEP E	2022	2022	9	E!D4064
RCEP E	2023	2023	8	E!E4064
RCEP E	2024	2024	7	E!F4064
RCEP E	2025	2025	6	E!G4064
RCEP E	2026	2026	5	E!H4064
RCEP E	2027	2027	4	E!I4064
RCEP F	2022	2022	9	F!D4061
RCEP F	2023	2023	8	F!E4061
RCEP F	2024	2024	7	F!F4061
RCEP F	2025	2025	6	F!G4061
RCEP F	2026	2026	5	F!H4061
RCEP F	2027	2027	4	F!I4061
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F3731
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G3731
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H3731
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I3731

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2917.32.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 2917.32.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4108), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.